

CẢM NHẬN CỦA HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TỈNH ĐỒNG THÁP VỀ CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG 2018

Phạm Văn Giào¹

Vũ Thị Thùy Linh

Nguyễn Ngọc Hương

1. TỔ CHỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1.1. Đối tượng, địa điểm và thời gian nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu: Học sinh các Trường: Trung học phổ thông Mỹ Quý, Trung học phổ thông Tháp Mười, Trung học phổ thông Thường Xuân: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.
- Tiêu chuẩn lựa chọn: Học sinh tự nguyện tham gia nghiên cứu, là người mang quốc tịch Việt Nam.
- Tiêu chuẩn loại trừ: Học sinh không hợp tác, không có mặt khi tiến hành khảo sát.

1.2. Phương pháp nghiên cứu

1.2.1. Công cụ nghiên cứu

Công cụ chính được sử dụng trong nghiên cứu là phiếu khảo sát có cấu trúc, gồm 8 câu hỏi được xây dựng dựa trên các tiêu chí phản ánh cảm nhận của học sinh về Chương trình GDPT 2018. Các câu hỏi được chia thành ba nhóm nội dung chính như sau:

Nhóm 1: Mức độ khó và khối lượng học tập

Câu 1: Bạn đánh giá mức độ phức tạp về nội dung của chương trình Giáo dục Phổ thông 2018 như thế nào so với chương trình giáo dục trước đó?

Câu 6: Bạn đánh giá khối lượng bài tập được giao trong chương trình Giáo dục Phổ thông 2018 so với chương trình giáo dục trước đó như thế nào?

Nhóm 2: Hiệu quả tiếp thu và nhu cầu hỗ trợ

Câu 2: Bạn cảm thấy chương trình Giáo dục Phổ thông 2018 có giúp bạn tiếp thu kiến thức dễ dàng hơn so với chương trình trước đây không?

Câu 3: Bạn có thường xuyên cần học thêm hoặc nhờ phụ huynh hỗ trợ để hiểu bài khi học theo chương trình Giáo dục Phổ thông 2018 không?

Nhóm 3: Phương pháp giảng dạy và đổi mới sư phạm

Câu 4: Giáo viên của bạn có thường xuyên sử dụng các phương pháp dạy học mới như thảo luận nhóm, thực hành, làm dự án,... trong quá trình giảng dạy chương trình GDPT 2018 không?

Nhóm 4: Hứng thú và thái độ học tập

Câu 5: Bạn đánh giá mức độ hứng thú của bản thân khi tham gia học tập theo chương trình Giáo dục Phổ thông 2018 như thế nào?

Nhóm 5: Áp lực và thời gian học ở nhà

Câu 7: Bạn cảm nhận cường độ học tập của chương trình Giáo dục Phổ thông 2018 như thế nào?

¹ Viện Ứng dụng Khoa học Tâm lý - Giáo dục. Email: iape@thamvantamly.org.vn.

Câu 8: Trung bình mỗi ngày, bạn dành khoảng bao nhiêu thời gian để tự học ở nhà (bao gồm làm bài tập, ôn bài, đọc thêm...)?

1.2.2. Quy trình thu thập và xử lý dữ liệu

Dữ liệu được thu thập trực tiếp tại các trường Trung học Phổ thông với sự cho phép của ban giám hiệu và sự tham gia tự nguyện của học sinh. Sau khi thu thập, dữ liệu được mã hóa và nhập liệu bằng phần mềm SPSS. Các kỹ thuật thống kê mô tả (tần suất, tỷ lệ, trung bình, độ lệch chuẩn) được sử dụng để phân tích xu hướng chung.

2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

2.1. Đặc điểm khách thể tham gia nghiên cứu

Bảng 1. Đặc điểm khách thể tham gia nghiên cứu

Khách thể nghiên cứu		N
Trường	THPT Mỹ Quý	100
	THPT Tháp Mười	100
	THPT Thường Xuân	100
Giới tính	Nam	126
	Nữ	174
Lớp	Lớp 10	167
	Lớp 11	52
	Lớp 12	81

Khách thể tham gia nghiên cứu gồm tổng cộng 300 học sinh trung học phổ thông từ ba Trường Trung học phổ thông tại tỉnh Đồng Tháp, bao gồm: Trường Trung học phổ thông (THPT) Mỹ Quý, THPT Tháp Mười và THPT Thường Xuân, mỗi trường có 100 học sinh tham gia, đảm bảo sự phân bố đồng đều về mặt địa bàn khảo sát.

Về giới tính, mẫu nghiên cứu có sự tham gia của 126 học sinh nam (42%) và 174 học sinh nữ (58%), cho thấy tỷ lệ nữ chiếm ưu thế trong tổng thể mẫu.

Xét theo khối lớp, học sinh lớp 10 chiếm tỷ lệ cao nhất với 167 học sinh (55,7%), tiếp theo là lớp 12 với 81 học sinh (27%), trong khi lớp 11 có số lượng thấp nhất với 52 học sinh (17,3%). Sự phân bố này phản ánh sự tập trung nghiên cứu nhiều hơn ở khối lớp đầu cấp THPT; nhóm học sinh đang trong giai đoạn đầu thích nghi với môi trường học tập mới theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, từ đó phù hợp với mục tiêu nghiên cứu về trải nghiệm học đường và các yếu tố liên quan.

2.2. Đánh giá của học sinh về mức độ phức tạp về nội dung của chương trình Giáo dục Phổ thông 2018

Bảng 2. Đánh giá của học sinh về mức độ phức tạp về nội dung của chương trình Giáo dục Phổ thông 2018

STT	Mức độ	N
1	Ít phức tạp	39
2	Chưa cảm nhận rõ	115
3	Phức tạp đáng kể	146

Dữ liệu khảo sát cho thấy có sự phân hóa rõ rệt trong nhận thức của học sinh về mức độ phức tạp của nội dung chương trình. Trong tổng số 300 học sinh tham gia khảo sát, 146 học sinh (48,7%) đánh giá nội dung học là phức tạp đáng kể, trong khi 115 học sinh (38,3%) cho rằng họ chưa cảm nhận rõ ràng, và 39 học sinh (13%) nhận định nội dung học là ít phức tạp.

Tỷ lệ tương đối cao học sinh cảm nhận nội dung học tập là phức tạp cho thấy cần có sự quan tâm nhiều hơn trong việc thiết kế hoạt động dạy và học theo hướng hỗ trợ tiếp cận, phân hóa và cá nhân hóa. Điều này cũng đặt ra yêu cầu tăng cường hướng dẫn học sinh về phương pháp học tập, năng lực tự học và kỹ năng xử lý thông tin nhằm giúp các em thích ứng tốt hơn với yêu cầu học tập ngày càng cao về tư duy và năng lực vận dụng kiến thức trong bối cảnh giáo dục hiện đại.

2.3. Mức độ hỗ trợ của chương trình GDPT 2018 đối với khả năng tiếp thu kiến thức của học sinh

Bảng 3. Mức độ hỗ trợ của chương trình GDPT 2018 đối với khả năng tiếp thu kiến thức của học sinh

STT	Mức độ	N
1	Không cảm nhận được	68
2	Chưa xác định rõ mức độ hỗ trợ	114
3	Có cảm nhận được	118

Kết quả khảo sát cho thấy mức độ cảm nhận của học sinh về sự hỗ trợ của chương trình GDPT 2018 đối với khả năng tiếp thu kiến thức có sự phân bố tương đối đồng đều giữa các nhóm. Cụ thể, có 118 học sinh (39,3%) cho biết có cảm nhận được sự hỗ trợ từ chương trình, trong khi 114 học sinh (38%) vẫn chưa xác định rõ mức độ hỗ trợ. Đáng chú ý, 68 học sinh (22,7%) cho rằng không cảm nhận được sự hỗ trợ trong quá trình tiếp thu kiến thức.

Những con số này cho thấy, mặc dù một tỷ lệ tương đối học sinh đánh giá tích cực về tính hỗ trợ của chương trình, vẫn còn một bộ phận không nhỏ học sinh gặp khó khăn trong việc nhận diện hoặc thụ hưởng hiệu quả các yếu tố hỗ trợ mà chương trình mang lại. Điều này gợi mở nhu cầu cần tăng cường tính minh bạch, khả năng tiếp cận và sự đồng hành sư phạm trong quá trình tổ chức dạy học để bảo đảm rằng các nội dung, phương pháp, và điều kiện thực thi chương trình có thể đáp ứng đa dạng nhu cầu, trình độ và phong cách học tập của người học.

2.4. Nhu cầu hỗ trợ ngoài giờ học trong quá trình tiếp thu chương trình giáo dục phổ thông 2018

Bảng 4. Nhu cầu hỗ trợ ngoài giờ học trong quá trình tiếp thu chương trình GDPT 2018

STT	Mức độ	N
1	Không bao giờ	48
2	Hiếm khi	47
3	Thỉnh thoảng	104
4	Thường xuyên	101

Kết quả khảo sát cho thấy đa số học sinh có nhu cầu được hỗ trợ ngoài giờ học trong quá trình tiếp thu chương trình GDPT 2018, với các mức độ khác nhau. Cụ thể, 104 học sinh (34,7%) cho biết thỉnh thoảng cần hỗ trợ, trong khi 101 học sinh (33,7%) khẳng định thường xuyên có nhu cầu được hỗ trợ ngoài giờ học. Ngược lại, chỉ có 48 học sinh (16%) cho rằng không bao giờ cần hỗ trợ và 47 học sinh (15,6%) trả lời hiếm khi có nhu cầu này.

Có đến 68,4% học sinh bày tỏ nhu cầu hỗ trợ ở mức từ “thỉnh thoảng” đến “thường xuyên”, phản ánh thực tế rằng việc tiếp thu kiến thức trong chương trình hiện hành không chỉ diễn ra trong thời gian trên lớp mà còn đòi hỏi sự đồng hành sự phạm ngoài giờ học. Điều này đặt ra yêu cầu đối với nhà trường và giáo viên trong việc thiết kế hệ thống hỗ trợ học tập đa dạng, linh hoạt, chẳng hạn như các buổi phụ đạo, học nhóm, tư vấn học tập cá nhân, hoặc tích hợp công nghệ trong dạy học hỗ trợ nhằm đáp ứng nhu cầu học tập ngày càng cá nhân hóa và đa dạng của học sinh.

2.5. Tần suất giáo viên sử dụng các phương pháp dạy học tích cực trong quá trình triển khai chương trình giáo dục phổ thông 2018

Bảng 5. Tần suất giáo viên sử dụng các phương pháp dạy học tích cực trong quá trình triển khai chương trình GDPT 2018

STT	Mức độ	N
1	Gần như không xảy ra	14
2	Ghi nhận ở mức độ không đáng kể	15
3	Ghi nhận ở mức độ vừa phải	110
4	Được áp dụng rộng rãi	161

Kết quả khảo sát về tần suất sử dụng các phương pháp dạy học tích cực của giáo viên trong quá trình triển khai chương trình GDPT 2018 cho thấy xu hướng tích cực rõ rệt. Trong tổng số 300 học sinh được khảo sát, có 161 học sinh (53,7%) cho rằng các phương pháp dạy học tích cực được áp dụng rộng rãi trong thực tiễn giảng dạy. Bên cạnh đó, 110 học sinh (36,7%) đánh giá mức độ sử dụng các phương pháp này là vừa phải, trong khi chỉ có 15 học sinh (5%) cho biết mức độ sử dụng không đáng kể, và 14 học sinh (4,7%) nhận định rằng gần như không xảy ra.

Tỷ lệ cao học sinh nhận biết được việc áp dụng các phương pháp dạy học tích cực phản ánh sự chuyển biến tích cực trong đổi mới phương pháp giảng dạy theo định hướng phát triển năng lực người học. Tuy nhiên, vẫn còn một bộ phận học sinh chưa ghi nhận rõ việc ứng dụng những phương pháp này, điều đó cho thấy mức độ triển khai có thể chưa đồng đều giữa các giáo viên hoặc môn học. Kết quả này đặt ra yêu cầu tăng cường bồi dưỡng năng lực sư phạm cho giáo viên, đồng thời thúc đẩy giám sát và hỗ trợ việc vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học tích cực nhằm bảo đảm tính hiệu quả và phổ quát trong toàn bộ quá trình thực hiện chương trình GDPT 2018.

2.6. Mức độ hứng thú của học sinh khi tham gia học tập theo chương trình Giáo dục Phổ thông 2018

Bảng 6. Mức độ hứng thú của học sinh khi tham gia học tập theo chương trình Giáo dục Phổ thông 2018

STT	Mức độ	N
1	Cảm thấy hứng thú	121
2	Chưa có cảm nhận rõ ràng	102
3	Không cảm thấy hứng thú	77

Kết quả khảo sát về mức độ hứng thú của học sinh trong quá trình học tập theo chương trình Giáo dục phổ thông 2018 cho thấy sự phân hóa rõ rệt trong cảm nhận của người học. Có 121 học sinh (40,3%) cho biết cảm thấy hứng thú, trong khi 102 học sinh (34%) chưa có cảm nhận rõ ràng về mức độ hứng thú và 77 học sinh (25,7%) cho rằng không cảm thấy hứng thú khi tham gia học tập.

Tỷ lệ học sinh có cảm xúc tích cực đối với hoạt động học tập tuy chiếm phần lớn, song vẫn còn gần 60% học sinh chưa thể hiện được mức độ hứng thú rõ ràng hoặc không có hứng thú. Thực trạng này cho thấy cần có sự điều chỉnh và đổi mới phương pháp dạy học, thiết kế bài giảng, cũng như các yếu tố liên quan đến môi trường học tập để tăng cường động lực học tập nội tại và thúc đẩy sự tham gia tích cực của học sinh. Đồng thời, việc nghiên cứu sâu hơn về các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ hứng thú như tính hấp dẫn của nội dung, mức độ phù hợp với nhu cầu cá nhân, hoặc sự tương tác giữa giáo viên và học sinh là cần thiết để đưa ra các giải pháp can thiệp hiệu quả.

2.7. Đánh giá của học sinh về khối lượng bài tập trong chương trình Giáo dục Phổ thông 2018

Bảng 7. Đánh giá của học sinh về khối lượng bài tập trong chương trình Giáo dục Phổ thông 2018

STT	Mức độ	N
1	Có khối lượng thấp	38
2	Chưa có cảm nhận rõ ràng	123
3	Có khối lượng cao	139

Kết quả khảo sát cho thấy phần lớn học sinh đánh giá khối lượng bài tập trong chương trình Giáo dục phổ thông 2018 ở mức cao, với 139 học sinh (46,3%) lựa chọn phương án này. Bên cạnh đó, 123 học sinh (41%) cho biết chưa có cảm nhận rõ ràng về khối lượng bài tập, và chỉ 38 học sinh (12,7%) nhận định rằng khối lượng bài tập ở mức thấp.

Tỷ lệ học sinh cảm nhận khối lượng bài tập là cao chiếm gần một nửa tổng số mẫu khảo sát, phản ánh một xu hướng đáng chú ý về áp lực học tập trong bối cảnh triển khai chương trình mới. Điều này đặt ra yêu cầu đối với việc tổ chức dạy học, đặc biệt là trong khâu thiết kế bài tập, cần bảo đảm tính vừa sức, phù hợp với trình độ nhận thức và thời lượng học tập thực tế của học sinh.

Đồng thời, kết quả cũng gợi ý rằng cần có sự trao đổi rõ ràng hơn giữa giáo viên và học sinh về mục tiêu, ý nghĩa và cách thức thực hiện bài tập nhằm giúp người học định hình đúng mức độ yêu cầu và điều tiết được quá trình học tập hiệu quả hơn.

2.8. Đánh giá của học sinh về cường độ học tập của chương trình Giáo dục Phổ thông 2018

Bảng 8. Đánh giá của học sinh về cường độ học tập của chương trình Giáo dục Phổ thông 2018

STT	Mức độ	N
1	Cường độ học tập được học sinh cảm nhận là cao, gây áp lực đáng kể	178
2	Cường độ học tập được học sinh cảm nhận là vừa phải, áp lực ở mức thấp	26
3	Cường độ học tập được học sinh cảm nhận là ổn định, phù hợp	96

Kết quả khảo sát cho thấy nhận thức của học sinh về cường độ học tập trong chương trình Giáo dục phổ thông 2018 có sự phân hóa đáng kể. Trong tổng số 300 học sinh tham gia, có 178 học sinh (59,3%) đánh giá cường độ học tập là cao và gây áp lực đáng kể. Bên cạnh đó, 96 học sinh (32%) cho rằng cường độ học tập ổn định và phù hợp, trong khi chỉ 26 học sinh (8,7%) nhận định cường độ học tập ở mức vừa phải, áp lực thấp.

Tỷ lệ học sinh cảm nhận áp lực học tập ở mức cao chiếm ưu thế cho thấy chương trình đang đặt ra yêu cầu học thuật lớn đối với người học, có thể liên quan đến khối lượng kiến thức, số lượng bài tập, hoặc thời gian học tập trong và ngoài lớp. Kết quả này là cơ sở quan trọng để các nhà quản lý giáo dục, nhà trường và giáo viên xem xét lại mức độ phân bổ nội dung chương trình, phương pháp giảng dạy và hình thức kiểm tra, đánh giá nhằm đảm bảo tính hợp lý và tính bền vững trong quá trình học tập của học sinh. Đồng thời, việc triển khai các biện pháp hỗ trợ về mặt tâm lý học đường, tư vấn học tập và giáo dục kỹ năng quản lý thời gian cũng trở nên cần thiết để giúp học sinh thích ứng hiệu quả với yêu cầu học tập trong bối cảnh hiện nay.

2.9. Thời gian học sinh dành cho hoạt động tự học tại nhà trong khuôn khổ chương trình GDPT 2018

Bảng 9. Thời gian học sinh dành cho hoạt động tự học tại nhà trong khuôn khổ chương trình GDPT 2018

STT	Mức độ	N
1	Dưới 1 giờ	53
2	1 – 2 giờ	127
3	3 – 4 giờ	74
4	Hơn 4 giờ	44

Dữ liệu khảo sát cho thấy thời gian học sinh dành cho hoạt động tự học tại nhà trong khuôn khổ chương trình Giáo dục phổ thông 2018 phân bố theo nhiều mức độ khác nhau. Cụ thể, nhóm có thời gian tự học từ 1 – 2 giờ mỗi ngày chiếm tỷ lệ cao nhất với 127 học sinh (42,3%). Tiếp theo là nhóm tự học từ 3 – 4 giờ với 74 học sinh (24,7%), và 53 học sinh (17,7%) cho biết chỉ dành dưới 1 giờ mỗi ngày cho việc tự học. Đáng chú ý, 44 học sinh (14,7%) dành hơn 4 giờ mỗi ngày để tự học tại nhà.

Kết quả cho thấy phần lớn học sinh có xu hướng dành ít nhất một đến hai giờ mỗi ngày cho hoạt động tự học, cho thấy nhận thức nhất định về vai trò của việc học ngoài giờ chính khóa trong đáp ứng yêu cầu của chương trình. Tuy nhiên, sự hiện diện của cả hai nhóm đối cực (tự học dưới 1 giờ và hơn 4 giờ) cũng cho thấy sự khác biệt đáng kể trong khả năng tổ chức học tập cá nhân giữa các học sinh. Điều này đặt ra yêu cầu cần thiết trong việc hướng dẫn học sinh phương pháp học tập hiệu quả, xây dựng kỹ năng tự học và quản lý thời gian – đặc biệt trong bối cảnh chương trình mới yêu cầu sự chủ động, tích cực từ người học.

3. THẢO LUẬN

Cảm nhận của học sinh Trung học Phổ thông tại tỉnh Đồng Tháp về Chương trình Giáo dục Phổ thông (GDPT) 2018 phản ánh một bức tranh đa chiều về hiệu quả triển khai chương trình trong thực tiễn học đường. Từ năm nhóm nội dung khảo sát, có thể nhận thấy một số vấn đề đang được học sinh quan tâm, đồng thời cho thấy các chiều cạnh cần tiếp tục được nghiên cứu và cải thiện trong công tác tổ chức giáo dục.

Về mức độ phức tạp của nội dung và khối lượng học tập, nhiều học sinh cho rằng nội dung của chương trình có tính phức tạp cao và khối lượng bài tập được đánh giá là nhiều. Mặc dù đây là tín hiệu cho thấy chương trình đã nâng cao yêu cầu về mặt học thuật, điều này cũng đặt ra thách thức trong việc cân bằng giữa mục tiêu phát triển năng lực và tính vừa sức đối với người học. Trong bối cảnh chuyển từ tiếp cận nội dung sang tiếp cận năng lực, mức độ khó và lượng bài tập không chỉ đơn thuần phản ánh cường độ học tập mà còn liên quan tới năng lực tự học, kỹ năng tổ chức học tập và sự phù hợp giữa nội dung, phương pháp đánh giá. Do đó, vấn đề này cần được xem xét trong mối tương quan với đặc điểm nhận thức, điều kiện học tập và khả năng tự chủ của từng nhóm học sinh.

Về hiệu quả tiếp thu và nhu cầu hỗ trợ ngoài giờ, dữ liệu khảo sát chỉ ra rằng không phải tất cả học sinh đều cảm nhận được sự hỗ trợ rõ ràng từ chương trình. Trong khi 39,3% học sinh ghi nhận tính hỗ trợ tích cực, thì 38% chưa xác định rõ mức độ và 22,7% không cảm nhận được sự hỗ trợ. Bên cạnh đó, tỷ lệ học sinh thường xuyên hoặc thỉnh thoảng cần hỗ trợ ngoài giờ lên tới 68,4%. Những con số này gợi ý rằng mặc dù chương trình được thiết kế theo hướng tăng cường tính chủ động của người học, việc triển khai các hình thức hỗ trợ học tập vẫn chưa đồng đều hoặc chưa đủ sâu sát với từng nhóm đối tượng. Câu hỏi đặt ra là liệu nhà trường, giáo viên và phụ huynh đã có đủ công cụ, nguồn lực và phương pháp để hỗ trợ học sinh trong một môi trường học tập ngày càng đòi hỏi tính cá nhân hóa cao. Điều này cho thấy cần tiếp tục mở rộng các hình thức hỗ trợ như học nhóm, giáo viên chủ nhiệm, ứng dụng công nghệ học trực tuyến, cũng như tăng cường hợp tác giữa nhà trường và gia đình để hình thành mạng lưới hỗ trợ hiệu quả hơn.

Về phương pháp giảng dạy và đổi mới sư phạm, phần lớn học sinh ghi nhận giáo viên đã áp dụng các phương pháp dạy học tích cực (53,7%), trong đó nổi bật là các hình thức như thảo luận nhóm, làm dự án, thực hành. Tuy nhiên, khoảng 41,7% học sinh còn đánh giá mức độ áp dụng ở mức vừa phải

hoặc chưa đáng kể. Kết quả này có thể được hiểu theo hai hướng: một mặt, đổi mới phương pháp đã có chuyển biến tích cực và đang dần được lan tỏa trong đội ngũ giáo viên; mặt khác, vẫn tồn tại sự không đồng đều về mức độ đổi mới giữa các bộ môn, khối lớp, hoặc giữa các cá nhân giáo viên. Điều này cho thấy cần thiết lập các cơ chế giám sát và bồi dưỡng chuyên môn sư phạm nhằm đảm bảo tính phổ quát, linh hoạt và hiệu quả trong quá trình thực hiện các phương pháp dạy học theo định hướng năng lực.

Về mức độ hứng thú và thái độ học tập, chỉ khoảng 40,3% học sinh cho biết cảm thấy hứng thú khi tham gia học tập theo chương trình mới, trong khi phần còn lại hoặc không có hứng thú hoặc chưa xác định được cảm nhận. Mức độ hứng thú không cao có thể xuất phát từ nhiều nguyên nhân, chẳng hạn như sự thiếu phù hợp giữa nội dung chương trình với sở thích cá nhân, tính hấp dẫn của hoạt động học tập chưa cao, hoặc áp lực từ khối lượng và cường độ học tập. Nếu chương trình chưa khơi dậy được sự tò mò, niềm vui học tập hoặc khả năng tự định hướng của học sinh, thì những mục tiêu đổi mới về năng lực có thể chưa đạt được hiệu quả như kỳ vọng. Trong bối cảnh này, việc thiết kế lại nội dung học theo hướng cá thể hóa, tích hợp trải nghiệm thực tiễn và thúc đẩy sự tham gia chủ động của học sinh là vấn đề đáng được cân nhắc.

Về áp lực và thời gian học ở nhà, khảo sát cho thấy hơn một nửa học sinh cảm nhận chương trình có cường độ học tập cao và gây áp lực đáng kể (59,3%), đồng thời thời gian dành cho tự học ở nhà có sự phân hóa rõ rệt: nhóm 1–2 giờ/ngày chiếm ưu thế (42,3%), nhưng cũng có 14,7% học sinh học trên 4 giờ/ngày. Những dữ kiện này đặt ra vấn đề về sự quá tải tiềm ẩn trong chương trình và sự thiếu cân bằng giữa học chính khóa và học ngoài giờ. Trong khi năng lực tự học là một trụ cột quan trọng trong chương trình GDPT 2018, không phải tất cả học sinh đều có khả năng tổ chức học tập hiệu quả. Sự chênh lệch về thời gian tự học cũng có thể là chỉ báo cho thấy sự bất bình đẳng trong tiếp cận tài nguyên học tập, kỹ năng học tập, hoặc môi trường gia đình. Việc trang bị kỹ năng quản lý thời gian, hướng dẫn tự học, đồng thời quan tâm đến yếu tố sức khỏe tâm lý học đường cần được lồng ghép một cách hệ thống trong thực hiện chương trình để tránh nguy cơ kiệt sức học đường.

4. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

4.1. Kết luận

Kết quả khảo sát cảm nhận của học sinh Trung học phổ thông tại tỉnh Đồng Tháp về Chương trình Giáo dục Phổ thông 2018 cho thấy những chuyển biến rõ nét trong cách tổ chức dạy học và nhận thức của người học trong môi trường giáo dục đổi mới. Nhìn chung, học sinh đã bước đầu làm quen với phương pháp học tập chủ động, nội dung chương trình tích hợp và định hướng năng lực, tuy nhiên vẫn còn nhiều vấn đề cần được quan tâm để nâng cao hiệu quả thực hiện chương trình.

Cụ thể, mức độ phức tạp của nội dung học tập và khối lượng bài tập được đánh giá là cao, gây áp lực nhất định cho học sinh, đặc biệt trong bối cảnh chương trình yêu cầu sự chủ động trong học tập và khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn. Mặc dù có học sinh ghi nhận được sự hỗ trợ của chương trình trong quá trình tiếp thu, nhưng một bộ phận đáng kể vẫn gặp khó khăn và cần đến sự hỗ trợ ngoài giờ, cho thấy cần phát triển các hình thức hỗ trợ học tập linh hoạt, hiệu quả hơn từ phía nhà trường, giáo viên và phụ huynh.

Việc đổi mới phương pháp giảng dạy đã có những tín hiệu tích cực, nhưng chưa đồng đều giữa các giáo viên hoặc môn học. Bên cạnh đó, mức độ hứng thú của học sinh chưa thực sự cao, cho thấy việc tăng cường tính hấp dẫn và phù hợp của nội dung học là yêu cầu cần thiết để nâng cao động lực học

tập nội tại. Áp lực học tập và sự phân hóa lớn trong thời gian tự học cũng cho thấy sự cần thiết của việc trang bị kỹ năng học tập, quản lý thời gian và chăm sóc sức khỏe tinh thần học đường.

Như vậy, để chương trình GDPT 2018 phát huy hiệu quả và đi vào thực chất, cần có những điều chỉnh đồng bộ từ nội dung, phương pháp, đánh giá đến cơ chế hỗ trợ và quản trị nhà trường. Việc tiếp tục lắng nghe tiếng nói của người học, đặc biệt từ các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc thù như Đồng Tháp sẽ là cơ sở quan trọng để hoạch định chính sách giáo dục phù hợp, khả thi và bền vững hơn trong tương lai.

4.2. Kiến nghị

4.2.1. Đối với học sinh

Học sinh cần được trang bị các kỹ năng học tập và năng lực tự điều chỉnh hành vi nhằm thích ứng hiệu quả với những yêu cầu ngày càng cao của chương trình Giáo dục Phổ thông 2018. Trước hết, việc phát triển kỹ năng tự học là cần thiết để học sinh có thể chủ động trong quá trình tiếp thu kiến thức; điều này bao gồm việc lập kế hoạch học tập, ghi chú, tổng hợp thông tin và tự đánh giá kết quả học tập.

Bên cạnh đó, học sinh cần tăng cường năng lực quản lý thời gian và cảm xúc để có thể duy trì hiệu suất học tập ổn định trong môi trường có nhiều áp lực. Việc cân bằng giữa học và nghỉ, kiểm soát cảm xúc tiêu cực như lo âu, căng thẳng hay mất động lực là những yếu tố quan trọng để bảo vệ sức khỏe tinh thần. Cuối cùng, học sinh cần được khuyến khích chủ động tìm kiếm sự hỗ trợ khi cần thiết, bao gồm việc bày tỏ nhu cầu học tập và tiếp cận sự trợ giúp từ giáo viên, bạn bè hoặc chuyên viên tư vấn học đường trong những tình huống gặp khó khăn về học thuật hoặc tâm lý.

4.2.2. Đối với nhà trường

Nhà trường, với vai trò là môi trường can thiệp trung tâm trong quá trình giáo dục học sinh, cần triển khai các biện pháp hỗ trợ toàn diện từ cả phương diện giảng dạy lẫn tâm lý - xã hội, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển hài hòa giữa năng lực học tập và sức khỏe tinh thần của người học. Trước hết, việc tổ chức các hoạt động tư vấn học đường và giáo dục cảm xúc - xã hội cần được chú trọng. Cụ thể, nhà trường nên thiết lập các phòng tham vấn học đường, đồng thời tích cực triển khai các chương trình kỹ năng sống, quản lý cảm xúc và giảm căng thẳng học đường, qua đó góp phần xây dựng một môi trường học an toàn về mặt tâm lý và hỗ trợ học sinh phát triển các năng lực điều tiết bản thân một cách bền vững. Bên cạnh đó, nhà trường cần thúc đẩy việc phân hóa nội dung và phương pháp dạy học phù hợp với đặc điểm tâm lý - nhận thức của học sinh, nhằm giảm áp lực học tập và nâng cao tính tương thích giữa chương trình và nhu cầu cá nhân.

Giáo viên cần vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học tích cực như học qua trải nghiệm, học theo dự án, hoặc thiết kế hoạt động học tập cá nhân hóa để tạo điều kiện phát triển toàn diện cho người học. Ngoài ra, việc tăng cường cơ chế hỗ trợ học ngoài giờ cũng là một giải pháp quan trọng, thông qua tổ chức các nhóm học tập, lớp phụ đạo theo yêu cầu, hoặc ứng dụng công nghệ trong dạy học trực tuyến, nhằm giúp học sinh tiếp cận kiến thức một cách chủ động, linh hoạt và phù hợp với tốc độ học tập cá nhân. Những biện pháp này, nếu được triển khai đồng bộ và gắn kết với các yếu tố tâm lý - giáo dục, sẽ góp phần quan trọng trong việc nâng cao chất lượng thực thi chương trình Giáo dục Phổ thông 2018 theo định hướng lấy người học làm trung tâm.

4.2.3. Đối với các cơ sở quản lý giáo dục

Đối với các cơ sở quản lý giáo dục, đặc biệt ở cấp tỉnh và trung ương, cần phát huy vai trò điều phối, giám sát và hoạch định chính sách nhằm hỗ trợ triển khai hiệu quả Chương trình Giáo dục Phổ thông 2018 theo định hướng nhân văn và phù hợp với đặc điểm tâm lý - lứa tuổi của học sinh. Trước hết, việc xây dựng các chính sách giáo dục cần lấy người học làm trung tâm, nhấn mạnh tính cá thể hóa, đảm bảo sự phát triển bền vững cả về năng lực học thuật lẫn sức khỏe tâm lý. Điều này bao gồm việc giảm tải nội dung học không thiết yếu, điều tiết hợp lý khối lượng bài tập và tái thiết kế khung thời gian học phù hợp với khả năng tiếp nhận của học sinh.

Đồng thời, cần đầu tư có hệ thống cho công tác hỗ trợ tâm lý học đường, trong đó bao gồm việc bổ sung đội ngũ chuyên viên tâm lý tại các cơ sở giáo dục phổ thông và triển khai chính sách đào tạo, bồi dưỡng giáo viên kiêm nhiệm công tác tư vấn – tham vấn học đường. Ngoài ra, các cơ quan quản lý cần thực hiện giám sát và đánh giá thường xuyên về tác động tâm lý của chương trình, thông qua khảo sát định kỳ hoặc các nghiên cứu chuyên sâu, nhằm kịp thời nhận diện những bất cập và điều chỉnh phù hợp. Việc thiết lập cơ chế lắng nghe ý kiến từ học sinh và giáo viên sẽ góp phần đảm bảo tính công bằng, thích ứng và bền vững trong quá trình đổi mới giáo dục phổ thông theo hướng phát triển toàn diện người học.

Tài liệu tham khảo

1. *Chương trình giáo dục phổ thông 2018 - Chương trình tổng thể*. (n.d.). <https://thuvienphapluat.vn/chinh-sach-phap-luat-moi/vn/ho-tro-phap-luat/tu-van-phap-luat/59386/chuong-trinh-giao-duc-pho-thong-2018-chuong-trinh-tong-the>
2. Xaydungchinh sach.Chinhphu.Vn. (2023, September 23). 10 điểm mới của Chương trình giáo dục phổ thông 2018. [xaydungchinh sach.chinhphu.vn. https://xaydungchinh sach.chinhphu.vn/10-diem-moi-cua-chuong-trinh-giao-duc-pho-thong-2018-119230206174054873.htm](https://xaydungchinh sach.chinhphu.vn/10-diem-moi-cua-chuong-trinh-giao-duc-pho-thong-2018-119230206174054873.htm)